|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PVSD final(1)** | **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ SÔNG ĐÀ** | *Mẫu phụ lục số II**Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ trưởng Bộ tài chính* |

#### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

***(Năm báo cáo 2014)***

**I.THÔNG TIN CHUNG:**

**1.Thông tin khái quát:**

\* Tên công ty: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà**

\* Tên tiếng Anh: **Petro Song Da Trading and Investment joint stock Company**

\* Tên viết tắt tiếng Anh: **PVSD**

\* Giấy ĐKKD số: **0500444772**

\* Mã chứng khoán: **SDP**

\* Số lượng cổ phiếu lưu hành: **11.114.772 Cổ phiếu**

\* Địa chỉ trụ sở: **Tầng 4 CT3 Tòa nhà FODACON, đường Trần Phú, Mộ Lao, Hà Đông, HN**

\* Điện thoại: **04 627 00 385** Fax: **04 627 00 398**

\* Website: **http://www.pvsd.vn** Email: **Info@pvsd.vn**

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà là đơn vị liên kết giữa Tập đoàn Sông Đà và Tập đoàn Dầu khí. Công ty được chuyển đổi từ quá trình cổ phần hoá Xí nghiệp Sông Đà 12.6 theo Quyết định số 1593/QĐ-BXD ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Ngày 24 tháng 12 năm 2003, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000131 với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng với tên là Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà.

Qua gần 14 năm hoạt động, Công ty đã ổn định tổ chức, ngành nghề SXKD, duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống, mở rộng đa dạng hoá các lĩnh vực hoạt động. Với chiến lược phát triển sản xuất đa ngành nghề, đa lĩnh vực với hiệu quả kinh tế cao, đội ngũ cán bộ công nhân chuyên nghiệp, nắm bắt khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, Công ty đã dần khẳng định được uy tín cũng như thương hiệu Sông Đà. Công ty đã dần lớn mạnh về quy mô với số vốn điều lệ tăng gấp hơn 7 lần từ 15 tỷ đồng năm 2003 lên 111.144.720 đồng năm 2011. Tháng 07/2010, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số: **0303000131** đăng ký thay đổi lần thứ 10 số **0500444772** ngày 31/10/2011 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp.

* + Xây lắp các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng và xây dựng khác;
	+ Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
	+ Nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất xi măng, vỏ bao xi măng, thép xây dựng, tấm lợp;
	+ Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ;
	+ Sửa chữa, gia công cơ khí;
	+ Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy, đường bộ;
	+ Kinh doanh nhà đất, khách sạn và dịch vụ du lịch (trừ quầy Bar, karaoke, vũ trường);
	+ Sản xuất vật liệu xây dựng, phụ gia bê tông;
	+ Khai thác mỏ, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất xi măng và phụ gia bê tông;
	+ Sản xuất, kinh doanh sản phẩm khí công nghiệp, khí gas;
	+ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
	+ Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện và các công trình giao thông;
	+ Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp điện đến 110 KV;
	+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống điện, cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp;

(Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của Pháp luật).

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

**4.1. Mô hình quản trị:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà là công ty cổ phần duy trì mô hình tổ chức các đơn vị xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc.

**4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý: ( Tính đến ngày 31/12/2014)**

- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất.

- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử.

- Hội đồng quản trị công ty gồm 5 thành viên.

- Ban Tổng giám đốc công ty: 01 Tổng giám đốc , 03 Phó Tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng Công ty

- Các phòng ban công ty: Phòng Tổ chức hành chính, phòng Quản lý kỹ thuật, phòng Tài chính kế toán, phòng Kinh tế- Đầu tư, phòng Thương mại.

- 01 đơn vị trực thuộc: Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

**4.3 Các công ty con, công ty liên kết:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên công ty con** | **Địa chỉ** | **Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính** | **Vốn điều lệ** | **Tỷ lệ sở hữu** |
| Công ty TNHH Đầu tư khai thác khoáng sản SOTRACO | Tầng 4 CT3 Tòa nhà FODACON, đường Trần Phú, Mộ Lao, Hà Đông, HN | Sản xuất công nghiệp, kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải và xây lắp | 50 tỷ | 100% |

**5. Định hướng phát triển**

**5.1. Định hướng:**

Xây dựng và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh về nhiều mặt, lấy chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, uy tín và chất lượng dịch vụ làm phương châm hành động và làm kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững. Thực hiện đa dạng hoá ngành nghề dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm sản xuất công nghiệp. Lấy ngành nghề kinh doanh vật tư, vận tải và dịch vụ xuất nhập khẩu là ngành nghề chính làm chỗ dựa để phát triển các ngành nghề khác. Phát huy thế mạnh và uy tín thương hiệu Sông Đà và Dầu Khí, kết hợp mọi nguồn lực để nâng cao sức cạnh tranh góp phần xây dựng Tập đoàn trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh.

**5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành tổ hợp các Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con, đa sở hữu đa ngành nghề mà trọng tâm là đầu tư kinh doanh bất động sản, tài chính, dịch vụ thương mại, sản xuất vật liệu xây dựng, đầu tư nâng cao nguồn lực về tài chính, con người, thiết bị công nghệ và hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả"

- Tiếp tục duy trì và phát triển tốc độ tăng trưởng sản lượng SXKD trên cơ sở chất lượng tăng trưởng ổn định và có chiều sâu không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường trong và ngoài ngành.
- Tập trung sắp sếp đổi mới nâng cao hiệu quả điều hành SXKD từ phòng ban Công ty đến các đơn vị thành viên. Tham gia quản lý phần vốn góp của Công ty một cách hiệu quả tại các Công ty liên kết

- Nghiên cứu, triển khai, quản lý vận hành các dự án đầu tư mở rộng sản xuất SXKD một cách có hiệu quả.
- Hoàn thiện và duy trì văn hoá doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV, nâng cao lợi ích của Công ty và các cổ đông.

+ **Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2010 - 2015):**
     -         Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKD bình quân hàng năm từ 15 ÷ 20%
     -         Tổng giá trị SXKD đạt : 5.813tỷ
     -         Tổng doanh thu :                     5.524 tỷ
     -         Nộp ngân sách nhà nước :                        111 tỷ
     -         Lợi nhuận :                        278 tỷ
     -         Lao động bình quân :                        420 người
     -         Thu nhập bình quân :                   5,5 ÷ 8 triệu đồng/người
+ **Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2015:**
   a. Chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:
     -         Tổng giá trị SXKD đạt : 1.681 tỷ
     -         Tổng doanh thu : 1.593 tỷ
     -         Nộp ngân sách nhà nước :                          31 tỷ
     -         Lao động bình quân :                        445 người
     -         Thu nhập bình quân :                        12 triệu đồng/người/tháng
     -         Cổ tức chia cho các cổ đông  :                    18 ÷ 20%
   b. Cơ cấu ngành nghề : Vốn điều lệ Công ty là 350 tỷ
     -         Thương mại : 35%
     -         Đầu tư kinh doanh bất động sản : 20%
     -         Đầu tư tài chính : 15%
     -         Sản xuất công nghiệp : 15%
     -         Xây lắp : 10%
     -         Vận tải : 5%
**5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

- Đối với tất cả các công trường mà PVSD thi công đều trang bị hệ thống xử lý rác thải, thu gom rác đảm bảo chất lượng vệ sinh môi trường.

- Ngoài ra PVSD nhiều năm qua đã thực hiện nhiều chương trình vì cộng đồng: như xây nhà tình nghĩa cho Cán bộ, ủng hộ các quỹ từ thiện, giúp đỡ vì người nghèo.

**6. Rủi ro:**

Trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu như hiện nay, Công ty đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro từ:

- Chính sách tín dụng luôn thay đổi ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của Công ty.

- Do xây dựng các công trình có thời gian dài, đối với các hợp đồng không điều chỉnh giá thì giá nguyên vật liệu thay đổi ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Chính sách pháp luật thay đổi ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của công ty.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
	1. **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014:**

*ĐVT: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch năm 2014** | **Thực hiện năm 2014** | **% TH/KH** |
| 1 | Doanh thu bán hàng thuần | 620.523 | 560.835 | 90% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 13.724 | 9.927 | 72% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 10.705 | 6.834 | 63% |
| 4 | Mức cổ tức dự kiến  | 5% | 5% | 100,00% |

* 1. **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diễn giải** | **Năm 2013** | **KH 2014** | **Thực hiện 2014** | **% TH 2014/KH 2014** | **%TH 2014/2013** |
| Tổng doanh thu | 854.363 | 620.523 | 560.835 | 90% | 65% |
| Lợi nhuận trước thuế | 9.976 | 13.724 | 9.927 | 72% | 99% |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.138 | 10.705 | 6.834 | 63% | 95% |

**\* Tổ chức và nhân sự:**

**1. Cơ cấu tổ chức của công ty**

 ***a. Hội đồng quản trị: 5 người***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Ông: | **Đinh Mạnh Thắng** | - | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2. | Ông: | **Hoàng Văn Toản** | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 3. | Ông: | **Đinh Mạnh Hưng** | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 4. | Ông: | **Nguyễn Duyên Hải** | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5. | Bà: | **Phùng Minh Bằng** | - | Thành viên Hội đồng quản trị |

 ***b. Ban Kiểm soát: 3 người***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bà: | **Bùi Thị Minh Phương** | - | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Ông: | **Trần Anh Đức** | - | Thành viên Ban Kiểm soát |
| Ông: | **Vũ Tuấn Nam** | - | Thành viên Ban Kiểm soát |

 ***c. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ông: | **Hoàng Văn Toản** | Tổng Giám đốc |
| Ông: | **Nguyễn Nam Hồng** | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: | **Lưu Văn Hải** | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: | **Trần Nguyễn Anh Tuấn** | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: | **Phạm Trường Tam** | Kế toán trưởng |

**2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

**2.1 Ông Đinh Mạnh Thắng : Chủ tịch HĐQT công ty**

- Số Chứng minh thư nhân dân: : 012355232 do Công an tỉnh Hà Nội cấp ngày 15/06/2000 .- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 08/07/1962

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : N7b, Phường Thanh Xuân Nam , Thanh Xuân, Hà N ội.

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Tháng 3 - 1983 đến tháng 8 - 1986  | Công nhân xí nghiệp Bê tông Sông Đà, tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 9 - 1986 đến tháng 12 - 1989 | Cán bộ vật tư cung ứng - Công ty cung ứng vật tư Sông Đà, tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 1 - 1990 đến tháng 12 - 1993 | Cán bộ vật tư - Công ty vật tư thiết bị Sông Đà, tỉnh Hoà Bình  |
| Tháng 1 - 1994 đến tháng 12 - 2000 | Phó phòng vật tư - Công ty Sông Đà 12, Thanh Xuân, Hà Nội |
| Tháng 1 - 2001 đến tháng 12 - 2003 | Giám đốc xí nghiệp Sông Đà 12-6, Công ty Sông Đà 12. |
| Tháng 1 - 2004 đến tháng 4 - 2006 | Giám đốc - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà. |
| Tháng 5 - 2006 đến nay | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà. |

**2.2 Ông Hoàng Văn Toản - UV Hội đồng quản trị- Tổng giám đốc**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 113096108 do công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 29/12/2004

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 10/07/1964

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Tân Thịnh – TX.Hoà Bình – Hoà Bình

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Tháng 7 – 1984 đến tháng 9 - 1985  | Thợ hàn xí nghiệp Bê tông nghiền sàng, tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 9 – 1985 đến tháng 1 - 1990 | Thợ hàn Công ty Xây dựng Thuỷ điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 1 – 1990 đến tháng 4 - 1993 | Đội trưởng Công ty Xây dựng thuỷ công, tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 4 – 1993 đến tháng 12 - 1995 | Quản đốc phân xưởng Công ty Sông Đà 6 tại tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 1 – 1996 đến tháng 4 - 1996 | Quản đốc phân xưởng sản xuất vỏ bao xi măng Công ty Sông Đà 6 tại tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 5 – 1996 đến tháng 12 - 2000 | Quản đốc phân xưởng sản xuất vỏ bao xi măng Chi nhánh Công ty xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12 tại tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 1 – 2001 đến tháng 8 - 2003 | Quản đốc phân xưởng sản xuất vỏ bao xi măng xí nghiệp Sông Đà 12.3 tại tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 9 – 2003 đến tháng 4 - 2005 | Phó Giám đốc xí nghiệp Sông Đà 12.3 tại tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 9 – 2003 đến tháng 6 - 2005 | Chuyên viên chính - Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 12, xí nghiệp Sông Đà 12.3 tại tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 7 – 2005 đến tháng 1 - 2007 | Giám đốc xí nghiệp Sông Đà 12.3 tại tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 2 – 2007 đến nay | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà, Hà Đông, Hà Nội |

**2.3 Ông Nguyễn Duyên Hải : Uỷ viên HĐQT**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 011634345 do Công an Hà Nội cấp ngày 09/09/1998.

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 11/09/1971

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : 256 – Ngõ 64 Vũ Trọng Phụng – Thanh Xuân – TP. Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Từ năm1993 đến năm 1994 | Kỹ sư Công ty tư vấn khảo sát thiết kế, Tổng công ty xây dựng Sông Đà  |
| Từ năm1994 đến năm 2001 | Phó giám đốc Trung tâm kỹ thuật Công ty tư vấn khảo sát thiết kế Sông Đà, Tổng công ty xây dựng Sông Đà |
| Từ năm2001 đến năm 2004 | Giám đốc Trung tâm tư vấn xấy dựng 1, Cty tư vấn xây dựng Sông Đà  |
| Từ năm2004 đến năm 2006 | Ủy viên HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm tư vấn xấy dựng 1, Cty tư vấn xây dựng Sông Đà |
| Từ năm2007 đến năm 2008 | Học thạc sỹ kinh doanh tại Đại học Birmingham – Vương Quốc Anh |
| Từ 10/2008 đến 09/2010 | Phó tổng giám đốc Công ty CP tư vấn Sông Đà, Tập đoàn Sông Đà |
| Từ 09/2010- nay | Phó tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam |

**2.4. Ông Đinh Mạnh Hưng : Uỷ viên HĐQT chuyên trách**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 012892345 do công an tỉnh Hà Nội cấp ngày 27/04/2004

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 30/10/1968

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : KĐT Sông Đà Mỹ Đình - Mễ Trì - Từ Liêm – Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Tháng 6 – 1987 đến tháng 4 - 1992  | Thợ mộc nhà máy dệt Nam Định – Nam Hà  |
| Tháng 5 – 1992 đến tháng 3 – 1993 | Nhân viên văn phòng đại diện Tổng công ty xây dựng Sông Đà tại miền trung  |
| Tháng 4 – 1993 đến tháng 12 - 1996 | Thợ mộc Công ty xây dựng Sông Đà 8, tỉnh Hoà Bình  |
| Tháng 11 – 1997 đến tháng 5 - 2001 | Chuyên viên Công ty kinh doanh vật tư và xây lắp Sông Đà 15  |
| Tháng 6 – 2001  | Chuyên viên Xí nghiệp xây lắp thi công cơ giới Sông Đà 906  |
| Tháng 7 – 2001 đến tháng 12 - 2001 | Nhân viên ban KTKH – KT xí nghiệp Sông Đà 12.6, Công ty Sông Đà 12 – Hà Đông, Hà Nội  |
| Tháng 1 – 2002 đến tháng 12 - 2003  | Đội trưởng đội xe vận tải xí nghiệp Sông Đà 12.6, Công ty Sông Đà 12 – Hà Đông, Hà Nội  |
| Tháng 1 – 2004 đến tháng 4 - 2006 | Đội trưởng đội xe vận tải Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà, Hà Đông, Hà Nội |
| Tháng 5 – 2006 đến tháng 11-2012 | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà , nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà. Hà Đông, Hà Nội Hà Đông, Hà Nội |
| Tháng 11 – 2012 đến nay | Ủy viên HĐQT chuyên trách |

**2.5 Bà Phùng Minh Bằng : Ủy viên HĐQT chuyên trách**

- Số chứng minh thư nhân dân: 012522939 Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2002

- Giới tính : Nữ

- Sinh ngày : 07/04/1962 - Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngân hàng

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| 1985 - 1990  | Nhân viên Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Thủy điện Hòa Bình |
| 1991 - 2005  | Kế toán trưởng Xí nghiệp Sông Đà 12.1, Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 12, Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 12.1 |
| 2005 - 2006  | Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 12  |
| 2006 - 2007  | Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà  |
| 2007 đến nay | Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Hồng, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà |

**2.6 Ông Nguyễn Nam Hồng : Phó tổng giám đốc**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 112368903 do Công an Hà Nội cấp ngày 03/07/2010.

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 29/08/1962

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Kiến Hưng – Q.Hà Đông – TP. Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Tháng 11 - 1986 đến tháng 6 - 1987 | Trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề tỉnh Nam Định  |
| Tháng 7 - 1987 đến tháng 5 - 1995 | Nhân viên kỹ thuật, liên hợp dệt Nam Định, tỉnh Nam Định |
| Tháng 6 - 1995 đến tháng 10 - 1995 | Nhân viên kỹ thuật, Đại diện Tổng Công ty xây dựng Sông Đà tại miền Trung, tỉnh Gia Lai  |
| Tháng 11 - 1995 đến tháng 2 - 1997 | Phó văn phòng, chủ nhiệm nhà khách - Tổng công ty xây dựng Sông Đà tại miền Trung, tỉnh Gia Lai  |
| Tháng 3 - 1997 đến tháng 4 - 2001 | Trưởng phòng Vật tư, Công ty xây dựng Sông Đà 3, Nghĩa Hưng – Chư Pàh – Gia Lai  |
| Tháng 5 - 2001 đến tháng 6 - 2001 | Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty xây lắp năng lượng Sông Đà 11, Hà Đông – Hà Nội  |
| Tháng 7 – 2001 đến tháng 9 - 2003 | Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Sông Đà 11 |
| Tháng 10 – 2003 đến tháng 4 - 2004 | Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Sông Đà 12, Từ Liêm – Hà Nội |
| Tháng 5 – 2004 đến tháng 4 - 2005 | Phó giám đốc Công ty Sông Đà 12, Từ Liêm – Hà Nôi |
| Tháng 5 – 2005 đến tháng 2 - 2006 | Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 12.10, Công ty CP Sông Đà 12, Ít Ong - Mường La – Sơn La |
| Tháng 3 – 2006 đến tháng 1 - 2007 | Phó giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 12, Xí nghiệp Sông Đà 12.3 phường Hữu Nghị, Thị xã Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình |
| Tháng 2 – 2007 đến tháng 4 - 2013 | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà, Hà Đông – Hà Nội |
| Tháng 4 – 2013 đến nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà, Hà Đông – Hà Nội |

**2.7 Ông Trần Nguyễn Anh Tuấn: Phó Tổng Giám đốc**

- Chứng minh nhân dân số: 012974147 do công an TP.Hà Nội cấp ngày 22/05/2007

**-** Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 26/12/1975

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Thanh Xuân Nam – Thanh Xuân – Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác:

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Tháng 06 - 2000 đến tháng 02 - 2002 | CB kỹ thuật tại Cty Xây dựng và sửa chữa công trình TP.Nam Định  |
| Tháng 03 - 2002 đến tháng 10 – 2002 | CB kỹ thuật tại Đội xây dựng số 1 XN Sông Đà 12.6 –Cty Sông Đà 12 (Nay là Cty CP ĐT & TM Dầu khí Sông Đà) |
| Tháng 10 – 2002 đến tháng 02 - 2004 | Đội trưởng Đội xây dựng số 2 XN Sông Đà 12.6 –Cty Sông Đà 12 (Nay là Cty CP ĐT & TM Dầu khí Sông Đà) |
| Tháng 03 – 2004 đến tháng 05 - 2006 | Trưởng ban Kinh tế kỹ thuật Xí nghiệp Sotraco 1 –Cty CP Thương mại & Vận tải Sông Đà (Nay là Cty CP ĐT & TM Dầu khí Sông Đà) |
| Tháng 06 – 2006 đến tháng 01- 2010 | Giám đốc chi nhánh Hà Nội –Cty CP Thương mại & Vận tải Sông Đà (Nay là Cty CP ĐT & TM Dầu khí Sông Đà) |
| Tháng 02 – 2010 đến tháng 12 - 2013 | Tổng Giám Đốc Cty CP đầu tư bê tông công nghệ cao - SOPEWACO |
| Tháng 12 – 2013 đến nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà, Hà Đông – Hà Nội |

**2.8 Ông Lưu Văn Hải : Phó Tổng Giám đốc**

- Số chứng minh thư nhân dân: 013566079 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 15/08/2012

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 20/08/1977

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Văn Quán – Hà Đông – Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Tháng 11 – 2001 đến tháng 12 - 2003  | Cử nhân quản trị doanh nghiệp, xí nghiệp Sông Đà 12-6, Hà Đông, Hà Nội  |
| Tháng 1 – 2004 đến tháng 4 – 2006 | Cử nhân quản trị doanh nghiệp, Phó phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà  |
| Tháng 5 – 2006 đến tháng 8 - 2007 | Cử nhân quản trị doanh nghiệp, quyền Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà  |
| Tháng 9 – 2007 đến tháng 1 - 2009 | Cử nhân quản trị doanh nghiệp, Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà  |
| Tháng 2 – 2009 đến tháng 1 - 2010 | Trưởng phòng Thương mại Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà |
| Tháng 2 – 2010 đến nay | Phó tổng giám đốc Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà |

**2.9: Ông Phạm Trường Tam : Kế toán trưởng**

- Số chứng minh thư nhân dân: 013134351 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 26/12/2008

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 01/09/1977

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : P407, Toà nhà Sông Đà Nhân Chính – 162A Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Tháng 11 - 1999 đến tháng 8 - 2001 | Chuyên viên phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty Sông Đà, Hà Đông, Hà Nội  |
| Tháng 8 - 2001 đến tháng 3 - 2003 | Trưởng ban tài chính kế toán – Xí nghiệp Sông Đà 12.6, Công ty Sông Đà 12  |
| Tháng 3 - 2003 đến tháng 11 - 2007 | Kế toán trưởng, Uỷ viên HĐQT Công ty CP May XK Sông Đà  |
| Tháng 11 - 2007 đến tháng 12 - 2008  | Phó Trưởng phòng kiêm phụ trách Phòng Tài chính kế toán, Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt  |
| Tháng 1 – 2009 đến tháng 2 - 2009 | Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Cp Thương mại và Vận tải Sông Đà, Hà Đông, Hà Nội |
| Tháng 2 – 2009 đến nay | Kế toán trưởng Công ty Cp Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà, Hà Đông, Hà Nội |

**2.10 Bà Bùi Thị Minh Phương: Trưởng Ban kiểm soát**

- Số chứng minh thư nhân dân: 113038465 do Công an TP Hoà Bình cấp ngày 25/10/1995

- Giới tính : Nữ

- Sinh ngày : 01/12/1974

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Hoà Bình

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| 10/1994 -2000 | Nhân viên kế toán Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Sông Đà 12 |
| 2001 - 2002 | Trưởng ban kế toán XN sản xuất bao bì, Công ty Sông Đà 12 |
| 2003 – 04/2013 | Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 12, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà |
| 04/2013- đến nay | Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 12, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà |

**2.11 Ông Trần Anh Đức : Thành viên Ban Kiểm soát**

- Chứng minh nhân dân số: 111668721 do công an TP.Hà Nội cấp ngày 29/05/2012

**-** Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 01/12/1970

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : P.531 CT4 KĐT Sông Đà Mỹ Đình - Từ Liêm – Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

- Quá trình công tác:

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| Tháng 12 - 1995 đến tháng 8 - 1996 | Chuyên viên phòng Kế toán tại Chi nhánh Hoà Bình – Cty Vật tư thiết bị Sông Đà |
| Tháng 8 - 1996 đến tháng 12 – 1996 | Chuyên viên phòng Kế toán tại Cty Vật tư thiết bị Sông Đà nay là Cty CP Sông Đà 12 |
| Tháng 12 – 1996 đến tháng 2 - 2002 | Kế toán trưởng XN xây dựng Sông Đà 12.4 |
| Tháng 2 – 2002 đến tháng 2 - 2009 | Kế toán trưởng Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà  |
| Tháng 2 – 2009 đến tháng 11 - 2010 | Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà nay là Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà  |
| Tháng 11 – 2010 đến tháng 10 - 2012 | Giám Đốc Chi nhánh Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà tại Hoà Bình  |
| Tháng 11 – 2012 đến tháng 04 - 2013 | Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà  |
| Tháng 04 – 2013 đến nay | Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà |

**2.12 Ông: Vũ Tuấn Nam : Thành viên Ban kiểm soát**

- Số chứng minh thư nhân dân: 012355224 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/06/2000.

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 12/10/1952

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Trung cấp xây dựng

- Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác***(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội …)* |
| 1973 - 1977 | Cán bộ kỹ thuật thi công tại Công trường xây dựng Nhà máy Dệt Vĩnh Phú - Công ty Thuỷ điện Thác Bà |
| 1978 - 1981 | Đội trưởng thi công tại Công ty Xây dựng dân dụng Sông Đà |
| 1982 - 1990 | Tổng Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng nhà ở chuyên gia – Công ty Xây dựng dân dụng Sông Đà |
| 1990 - 1996 | Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Sông Đà 12 |
| 1997 - 2006 | Phó phòng Tổ chức hành chính Công ty Sông Đà 12 |
| 2006 - đến nay | Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư vàThương mại Dầu khí Sông Đà, Nghỉ hưu tại Hà Nội |

**2.13 Thay đổi ban Giám đốc điều hành trong năm: không có**

**2.14 Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc:** Theo quy định thang bảng lương doanh nghiệp hạng I và các quy định nội bộ do Công ty ban hành.

**2.15 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:** 207 người. Thực hiện trả lương và các chế độ khác cho người lao động theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

**2.16 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

***- Thay đổi Ban kiểm soát:*** Ban kiểm soát đã tiến hành họp và bầu lại bà Bùi Thị Minh Phương làm trưởng ban kiểm soát thay Ông Trần Anh Đức.

**3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án**

**\* Các khoản đầu tư nâng cao năng lực và đầu tư tài chính:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số lượng** | **Kế hoạch****(106 VNĐ)** | **Thực hiện năm 2014****(106 VNĐ)** | **Tỷ lệ TH** |
| **I** | **DANM lọc hóa Dầu Nghi Sơn** |  | **50.000** | **50.028** | **100 %** |
| **II** | **Đầu tư tài chính + các dự án** |  | **5.000** | **0** |  |

**\* Các công ty con, công ty liên kết:**

**Công ty con: Công ty TNHH Đầu tư khai thác khoáng sản SOTRACO:**

**a. Thông tin khái quát:**

- Trụ sở: B28-TT12 Khu Đô thị Văn Quán – Hà Đông – Hà Nội

- Điện thoại: 04.62863385 Fax: 04.62863384

- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Sotraco: 50 tỷ đồng. PVSD sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH Khai thác Khoáng Sản Sotraco. Vốn thực góp đến thời điểm hiện tại: 17.729.045.861 đồng.

**b. Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu: Khai thác, sản xuất đá xây dựng và bê tông thương phẩm.

**c. Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật tư xây dựng, bê tông thương phẩm.

- Xử lý công trình bằng phương pháp khoan, nổ mìn.

- Xây dựng công trình đường bộ.

- Mua bán, nhập khẩu: vật tư, phụ tùng, thiết bị, xe máy thi công.

- Thăm dò địa chất, khai thác, chế biến và kinh doanh xuất khẩu khoáng sản, khai khoáng khác.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

- Kinh doanh vận tải bằng đường bộ.

**d. Tỷ lệ vốn góp: 100%**

**e. Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2014:**

 Tổng tài sản : 69.459.351.072, đồng

 Trong đó: Tài sản ngắn hạn : 60.698.171.539, đồng

 Tài sản dài hạn : 8.761.179.533, đồng

 Tổng nguồn vốn : 69.459.351.072, đồng

 Trong đó: Nợ phải trả : 56.008.593.049, đồng

 Vốn chủ sở hữu : -13.450.758.023, đồng

**4. Tình hình tài chính**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2013** | **Năm 2014** | **%tăng giảm** |
| Tổng giá trị tài sản | 828.061 | 727.403 | -12% |
| Doanh thu thuần | 854.363 | 560.834 | -34% |
| Lợi nhuận từ HĐ SXKD | 10.336 | 17.192 | 66% |
| Lợi nhuận khác | -359 | -7.264 | -1.923% |
| Lợi nhuận trước thuế | 9.977 | 9.927 | 0% |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.138 | 6.834 | 4% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 5% | 5% |   |

***Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | **ĐVT** | **Năm nay** | **Năm trước** |
| **1** | **Cơ cấu tài sản**- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % |

|  |  |
| --- | --- |
| 23,62% | 19,67% |
| 76,38% | 80,33% |

 |

|  |
| --- |
| 23,76% |
| 76,24% |

 |
| **2** | **Cơ cấu nguồn vốn**- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | % |

|  |  |
| --- | --- |
| 78,43% | 81,06% |
| 21,57% | 18,94% |

 |

|  |
| --- |
| 79,31% |
| 20,69% |

 |
| **3** | **Khả năng thanh toán**- Khả năng thanh toán nhanh- Khả năng thanh toán tổng quát | Lần |

|  |  |
| --- | --- |
| 0,08 | 0,35 |
| 1,28 | 1,23 |

 |

|  |
| --- |
| 0,06 |
| 1,26 |

 |
| **4** | **Tỷ suất lợi nhuận**- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/NVCSH | % |

|  |  |
| --- | --- |
| 0,94% | 0,86% |
| 1,22% | 0,84% |
| 3,87% | 4,55% |

 |

|  |
| --- |
| 0,86% |
| 0,84% |
| 4,55% |

 |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**5.1 Cæ phÇn:**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành : 11.114.472

- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng : 11.114.472

*+ Cổ phiếu phổ thông :* 11.114.472

*+ Cổ phiếu ưu đãi : -*

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 11.114.472

+ Cổ phiếu phổ thông : 11.114.472

+ Cổ phiếu ưu đãi : -

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VNĐ/1 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự trữ : -

- Số lượng cổ phiếu quỹ theo từng loại : -

**5.2 Cơ cấu cổ đông:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cổ đông** | **Số cổ phần nắm giữ (CP)** | **Tỷ lệ sở hữu (%)** | **Loại cổ phần** |
| 1 | Tổng Công ty Sông Đà | 105.000 | 0,94% | Phổ thông |
| 2 | Tổng công ty CP xây lắp Dầu Khí Việt Nam | 3.000.000 | 26,99% | Phổ thông |
| 3 | Các cổ đông khác | 8.009.472 | 72,06% | Phổ thông |
|  | **Cộng** | **11.114.472** | **100%** | **Phổ thông** |

***2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước***

\* Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước

- Tổng số cổ đông: 1.391

Trong đó:

+ Cá nhân: 1.354

+ Tổ chức: 37

* Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cổ đông** | **Số cổ phần nắm giữ (CP)** | **Tỷ lệ sở hữu (%)** | **Loại cổ phần** |
| 1 | Tổng công ty CP xây lắp Dầu Khí Việt Nam | 3.000.000 | 26,99% | Phổ thông |

 ***Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:***

\* Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn nước ngoài

- Tổng số cổ đông: 5

Trong đó:

+ Cá nhân: 05 nắm giữ 47.060 cổ phần, tương đương 0,42% VĐL

+ Tổ chức: 0

\* Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung: Không có cổ đông lớn

**III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

**PHẦN I**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2014**

Năm 2014 do hoàn cảnh nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nhất là về việc làm, nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tuy vậy với sự cố gắng nỗ lực của tập thể CBCNV Công ty cũng như sự quan tâm, giúp đỡ, hợp tác của Tổng ty Sông Đà, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty PVC, các đối tác,... Công ty đã cố gắng hoàn thành 72% kế hoạch SXKD năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Kế hoạch****năm 2014** | **Thực hiện****năm 2014** | **Tỷ lệ % HT so KH năm** |
| **1** | **Tổng giá trị SXKD** | **106** | **810.000** | **583.108** | **72** |
| + | Xây lắp | 106 | 278.743 | 118.326 | 42 |
| + | SX công nghiệp | 106 | 10.800 | 5.144 | 48 |
| + | KD vật tư và thiết bị và KD khác | 106 | 520.456 | 459.639 | 88 |
| **2** | **Doanh thu** | **106** | **620.523** | **560.835** | 90 |
| **3** | Nộp ngân sách NN | 106 | 9.379 | 12.473 | 133 |
| **4** | Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ  | 106 | **10.740** | **10.900** | 101 |
| **5** | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn C.ty | 106 | **13.724** | **9.927** | 72 |
| **6** | Lao động bình quân | n | 176 | 142 | 81 |
| **7** | Thu nhập BQ CBCNV | 103 | 5.500 | 6.150 | 112 |
| **8** | **Giá trị đầu tư** | **106** | **55.000** | **55.028** | 101 |
| **9** | **Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)** | **%** | **5** | **5** | 100 |

1. Giá trị sản lượng: Mặc dù gặp nhiều khó khăn về việc làm do thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng, các dự án công trình tiến độ thực hiện đều chậm tuy nhiên Công ty đã nỗ lực tìm kiếm, tiếp thị ðấu thầu ðể ðể hoàn thành výợt mức giá trị sản lýợng ðạt 103% KH. Trong ðó giá trị kinh doanh vật tý thiết bị ðạt 116%, giá trị xây lắp ðạt 78%, giá trị sản xuất công nghiệp ðạt 58%.

3. Mục tiêu tiến độ: Công ty đã thực hiện hoàn thành mục tiêu tiến độ tại các dự án được Chủ đầu tư và Tổng thầu đánh giá cao về tiến độ và chất lượng công việc như: Đảm bảo tiến độ cung cấp Phụ gia tro bay và phụ gia Conplast R cho thủy điện Lai Châu; Cung cấp vật tư thiết bị ngành Dầu khí; Đảm bảo tiến độ thi công xây lắp các hạng mục tại thủy điện Sơn La, Hủa Na, Huội Quảng.

4. Doanh thu: Năm 2013 đã khắc phục được những tồn tại trong công tác nghiệm thu thanh toán nên đã đẩy nhanh được công tác thu vốn, thu hồi công nợ nhất là tại các dự án trọng điểm như: thủy điện Lai Châu, Sơn La, Hủa Na, Nậm Chiến. Tổng doanh thu toàn Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, đạt 116% KH. Trong đó doanh thu Công ty mẹ là 635tỷ/KH 517 tỷ đạt 122% KH; Doanh thu Công ty TNHH Khoáng Sản SOTRACO là 219 tỷ/KH 232 tỷ đạt 94% KH.

5. Lợi nhuận: Giá trị lợi nhuận hợp nhất là: 9,976tỷ/KH 8,115 tỷ đạt 123 % KH. Trong đó lợi nhuận của Công ty mẹ là 10,709tỷ/KH 4,914 tỷ đạt 218% KH; Lợi nhuận Công ty TNHH Khoáng Sản SOTRACO là 1,267 tỷ/KH 3,202 tỷ đạt 39% .

**II. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG SXKD:**

**1. Công tác thi công xây lắp:**

 Các công trình trọng điểm như thủy điện Lai Châu, Sơn La, Dự án Khu 157ha, dự án Mỏ đá Núi Hang Làng tại Khu kinh tế Nghi Sơn đã được Công ty thực hiện hoàn thành kế hoạch, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Tuy nhiên tổng giá trị sản lượng xây lắp chỉ đạt 42% KH nguyên nhân là do:

* Công trình thi công “Tuyến đường từ NM – Cảng Nậm Nhùn – TL.127 – dự án thủy điện Lai Châu” hoàn thành 18% KH. Công trình “Tuyến đường tránh vai trái đập thủy điện Sơn La” hoàn thành 60% KH. Nguyên nhân do việc chậm giải phóng bàn giao mặt bằng nên thời gian khởi công và thi công bị chậm so với KH
* Thi công hạ tầng và san lấp mặt bằng khu 67ha của dự án 157ha mới chỉ thực hiện san lấp mặt bằng được18,7ha/32ha. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn vốn vay bị chậm giải ngân ngoài ra công tác đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện còn chậm so với kế hoạch đề ra.
* Một số các công trình dự kiến tiếp thị đấu thầu chưa thực hiện được do các dự án đều chậm tiến độ triển khai cũng như Chủ đầu tư chưa thu xếp được nguồn vốn: như tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; dự án Nhà máy lọc hóa Dầu Nghi Sơn; Dự án thủy điện Huội Quảng.

**2. Công tác kinh doanh vật tư thiết bị:**

- Công tác kinh doanh VTTB và kinh doanh khác đã cơ bản hoàn thành kế hoạch sản lượng, đạt 96%KH, trong đó chủ yếu là cung cấp Phụ gia tro bay và phụ gia Conplast R cho thủy điện Lai Châu, Xekaman1 được Chủ đầu tư và Tổng thầu dự án đánh giá cao về tiến độ thực hiện.

- Công ty cũng đã thực hiện tốt việc cung cấp vật tư thiết bị và dịch vụ kỹ thuật cho Nhà máy lọc hóa Dầu Dung Quất; Cung cấp Dầu gốc PDC Diamond cho Dầu khí Biển Đông đạt 165%.

- Ngoài ra một số các công việc cung cấp VTTB dự kiến tiếp thị đấu thầu cũng chưa thực hiện được như tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 với giá trị 46 tỷ đồng và các công việc do Công ty Khoáng sản dự kiến thực hiện tại Dự án BOT Cầu Việt Trì với giá trị khoảng 39 tỷ đồng. Nguyên nhân là các dự án trên đều bị chậm tiến độ thực hiện.

**3. Công tác sản xuất công nghiệp:**

- Dây chuyền nghiền sàng đá số 1 đã được điều chuyển lên Mường La sản xuất đá phục vụ thi công Tuyến đường tránh vai trái đập thủy điện Sơn La đã thực hiện hoàn thành kế hoạch sản lượng đảm bảo tiến độ thi công công trình.

- Trạm nghiền tại Mỏ đá Núi Hang Làng sản xuất được 35.900 m3/KH 60.000m3, đạt 60% KH. Nguyên nhân là do việc lắp đặt đưa máy vào hoạt động chậm hơn so với KH ngoài ra một số loại sản phẩm (như đá 0,5x1; đá Base, mạt) khó tiêu thụ nên cũng ảnh hưởng đến việc sản xuất, kinh doanh.

 - Trạm trộn bê tông thương phẩm Mỹ Đình: Do tình hình khó khăn của thị trường đầu ra nên trạm đã dừng sản xuất từ năm 2013. Đầu năm 2014 đến nay, Công ty đã giao khoán cho cán bộ của Công ty thuê trạm để sản xuất kinh doanh.

**4. Công tác thực hiện đầu tư:**

 Tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2014 là 55tỷ/KH 55 tỷ đồng là giá trị đầu tư các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa:

***4.1. Đối với dự án Khu mặt bằng cho thuê 157ha:***

- Đã hoàn thành các thủ tục pháp lý được tỉnh Thanh Hóa và Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Liên danh Anh Phát – PVSD.

- Đường vào khu 90ha của dự án 157ha: Đã thi công hoàn thành theo thiết kế và tiến độ được duyệt.

- Đã đền bù giải phóng mặt bằng được 17,8ha đất sạch tại khu 67ha của dự án. Đã thi công san lắp mặt bằng hoàn thành 100% diện tích đã đền bù giải phóng mặt bằng.

- Liên doanh Anh Phát – PVSD đã ký hợp đồng cho LILAMA thuê 9ha. Công ty đã ký hợp đồng cho Công ty Đại Dương thuê 1ha. Diện tích còn lại Liên doanh dự kiến cho thuê trong quí I/2015.

- Đã được BIDV Hà Tây giải ngân ngồn vốn vay để đầu tư đền bù giải phóng mặt bằng và thi công hạ tầng, san lấp mặt bằng cho thuê tại Khu 67ha.

***4.2. Đối với dự án Mỏ đá Núi Hang Làng:***

- Đã hoàn thành các thủ tục pháp lý được tỉnh Thanh Hóa và Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn cấp giấy chứng nhận đầu tư cho PVSD.

- Đã hoàn thành các thủ tục pháp lý của dự án, đã được Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn ký hợp đồng cho thuê đất.

- Hợp tác với Sông Đà 704 là đơn vị có năng lực về máy móc thiết bị và kinh nghiệm trong hoạt động khai thác sản xuất đá để hợp tác khai thác, sản xuất kinh doanh đá theo hình thức: đối tác đầu tư, cung cấp trọn gói hệ thống máy móc thiết bị để khai thác, sản xuất đá.

- Đã được BIDV Hà Tây giải ngân vốn vay để đầu tư tại Mỏ đá Núi Hang Làng.

- Năm 2014 Trạm nghiền tại Mỏ đá Núi Hang Làng sản xuất được 35.900 m3/KH 60.000m3, đạt 60% KH.

***4.3. Dự án Khu dân cư Vĩnh Thanh, tỉnh Đồng Nai:***

 Đối với dự án Khu dân cư Vĩnh Thanh đã được tạm dừng thực hiện từ năm 2013 do sự khó khăn chung của nền kinh tế. Năm 2014 Công ty hiện đang nghiên cứu phương án hợp tác góp vốn cổ phần cùng với các đơn vị có năng lực tài chính để tiếp tục thực hiện dự án.

**5. Công tác Quản lý về kinh tế & tài chính:**

- Đã quản lý và thực hiện tốt công tác kinh tế, kế hoạch và hợp đồng từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc đảm bảo tính pháp lý, không để xảy ra các vi phạm phải xử lý.

- Công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch quyết toán tại công trình thủy điện Sơn La, tuy nhiên việc quyết toán các hạng mục của dự án thủy điện Nậm Chiến.

- Thực hiện hoàn thành kế hoạch thu hồi công nợ của các Đội xây dựng và công nợ cá nhân (đạt trên 90%) theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Đã được các Ngân hàng cho vay vốn để thực hiện dự án 157ha, dự án Mỏ đá Núi Hang Làng cũng như thu xếp các nguồn vốn vay để thực hiện các công việc khác.

**6. Công tác quản lý kỹ thuật - cơ giới, an toàn lao động:**

- Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng, an toàn lao động, công tác quản lý cơ giới đã được thực hiện đúng qui định của Công ty.

- Tuy nhiên công tác quản lý xe máy thiết bị còn tồn tại những mặt hạn chế do cán bộ quản lý còn thiếu, yếu.

- Thời gian sửa chữa một số xe máy thiết bị kéo dài làm giảm hiệu suất sử dụng thiết bị ảnh hưởng đến hiệu quả trong công tác SXKD của Công ty.

- Công tác AT- BHLĐ theo đúng qui định của Công ty và của Chủ đầu tư các dự án tại công trường .

- Ngoài ra Công ty luôn thường xuyên giáo dục ý thức bảo đảm an toàn lao động cho CBCNV Công ty nhất là tại các dự án trọng điểm, công tác an toàn giao thông đối với các lái xe.

**7. Công tác Tổ chức - Đào Tạo - Tiền lương:**

- Tổng số CBCNV đến ngày 31/12/2014: là 142 người, trong đó gián tiếp của Cơ quan Công ty là: 60 người.

- Việc giám sát thực hiện nội qui qui định của Công ty nhất là khối lao động gián tiếp còn chưa tốt nên các cá nhân và một số bộ phận vẫn vi phạm về ý thức và thời gian làm việc.

- Chưa tuyển dụng được cán bộ quản lý đối với những bộ phận còn thiếu, yếu như trong công tác cơ giới, kỹ thuật thi công.

- Đã điều chỉnh và ban hành qui chế trả lương cho khối gián tiếp cho phù hợp với tình hình SXKD hiện nay ngoài ra đảm bảo việc thanh toán tiền lương hàng tháng vào trước ngày 15 của tháng sau.

- Công tác tham gia BHXH, BHYT: Đã thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo qui định hiện hành của Nhà nước.

**9. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động và hoạt động phong trào xã hội**

- Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhất là về việc làm, nguồn tiền thanh toán tuy nhiên năm 2014 Ban lãnh đạo Công ty đã sắp xếp đủ công việc ổn định cho toàn bộ CBCNV Công ty, đảm bảo đời sống, thu nhập ổn định cho CBCNV là 6,15 triệu đồng/người/tháng cũng như thanh toán tiền lương các tháng đúng kỳ hạn.

- Phối hợp với Ban chấp hành Đảng bộ, Công Đoàn Công ty tổ chức cho Cán bộ, nhân viên Công ty thi thăm quan học tập tại các khu di tích lịch sử dịp Xuân Giáp Ngọ 2014, khen thưởng cho con em CBCNV Công ty đạt thành tích cao trong học tập cũng như tổ chức cho CBNV Công ty đi nghỉ mát tại Cửa Lò đầu dịp Hè năm 2014.

- Tiếp tục xây dựng phát triển "Quỹ tình nguyện PVSD" để ủng hộ, hỗ trợ cho CBCNV trong Công ty gặp khó khăn cũng như tham gia ủng hộ người nghèo. Ngoài ra Công ty còn tích cực tham giam nhiều hoạt động ủng hộ tại các địa phương tham gia SXKD.

***\* Những mặt đã đạt được:***

- Đảm bảo tiến độ thi công xây lắp tại các công trình trọng điểm như: Dự án thủy điện Sơn La, thuỷ điện Lai Châu, Các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa cũng như tuyệt đối an toàn trong hoạt động SXKD.

- Đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư tại các dự án như: thuỷ điện Lai Châu, thủy điện Xekaman 1; cung cấp VTTB cho ngành Dầu Khí.

- Đảm bảo an toàn tài chính, công tác tín dụng được các Ngân hàng đánh giá cao, cả các khoản nợ ngắn hạn, trung hạn và lãi vay đều trả Ngân hàng đầy đủ và đúng hạn.

- Đảm bảo đủ công việc cho các đơn vị trực thuộc trong Công ty, đảm bảo nguồn thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty.

- Uy tín và thương hiệu của Công ty ngày càng được nâng cao trên thị trường cả nước trong các lĩnh vực: thi công xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị. Năm 2014 Công ty đã để lại dấu ấn trong việc cạnh tranh đấu thầu cung cấp vật tư, thiết bị do trúng được nhiều gói thầu tại các dự án: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, các dự án của Liên doanh Việt Xô Petro.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và Pháp luật trong công tác quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh, không để xảy ra tranh chấp trong công tác hợp đồng kinh tế.

***\* Những mặt còn tồn tại:***

**1. Công tác tổ chức - đào tạo:**

* + Bộ máy giúp việc của một số phòng ban chưa đáp ứng được yêu câu của công việc. Một số cán bộ gián tiếp còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc.
	+ Công tác tuyển dụng, bổ sung lực lượng cán bộ nhân viên còn chậm so với nhu cầu của công việc.

**2. Công tác quản lý kinh tế & tài chính:**

* + Tại một số công trình công tác thu vốn và thu hồi công nợ còn chậm và chưa được thực hiện một cách triệt để, cán bộ chưa chủ động và linh hoạt trong công tác thu hồi vốn và công nợ do vậy ảnh hưởng một phần đến hiệu quả SXKD của Công ty.
	+ Các khoản công nợ tồn đọng do một số đối tác trây ỳ không chịu thanh toán nợ nên làm phát sinh tăng lãi suất Ngân hàng.

**3. Công tác quản lý kỹ thuật - cơ giới và ATLĐ:**

* + Công tác nghiệm thu kỹ thuật, lập hồ sơ thanh quyết toán còn chậm hơn so với tiến độ thi công do vậy làm kéo dài thời gian thu hồi vốn.
	+ Công tác quản lý xe máy, thiết bị: Mặc dù, đã tích cực tăng cường công tác quản lý, giám sát việc thực hiện của xe máy thiết bị tuy nhiên hiệu quả hoạt động vẫn chưa đạt so với kế hoạch đã đề ra một phần do các công trình trọng điểm chậm tiến độ. Ngoài ra do việc quản lý, sửa chữa, điều động xe máy thiết bị của Công ty cũng chưa được thực hiện tốt.
	+ Cán bộ làm công tác cơ giới còn yếu, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, chưa chủ động kiểm tra giám sát việc thực hiện các qui định của Công ty.

**PHẦN II**

**KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015 & CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN**

**I/ CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH:**

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng các năm từ 2010 2015 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Căn cứ tình tiến độ thi công xây lắp và cung cấp vật tư thiết bị tại các dự án trọng điểm như: Dự án Nhà máy thuỷ điện Sơn La, Lai Châu, Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; Dự án NM lọc hóa Dầu Nghi Sơn và các dự án của Ngành Dầu khí, Ngành giao thông,...

- Căn cứ năng lực của Công ty và các đơn vị trực thuộc, kế hoạch SXKD năm 2015 của Công ty dự kiến là: **936** tỷ đồng, trong đó:

 *+ Giá trị sản lượng đã có hợp đồng là: 847 tỷ đồng, bằng 90%.*

 *+ Giá trị sản lượng chưa có hợp đồng là: 89 tỷ đồng, bằng 10%.*

 Giá trị sản lượng chưa có hợp đồng, Công ty tập trung tiếp thị đấu thầu tại các dự án của Tổng công ty PVC, Tổng công ty Sông Đà, của Ngành giao thông vận tải cũng như khai thác tại các dự án của ngành Dầu khí mà Công ty đang tham gia thực hiện việc thi công xây lắp và cung cấp vật tư thiết bị.

**II/KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Kế hoạch** |
| **Tổng cộng** | **Giá trị đã có hợp đồng** | **Giá trị tiếp thị****đấu thầu dự kiến** |
| 1 | Tổng giá trị SXKD | 106đ | **810.000** | **683.132****( = 84%)** | **126.868****( = 16%)** |
| *+* | *Giá trị xây lắp* | 106đ | 278.743 | 216.875( = 77,8%) | 61.868( = 22,2%) |
| *+* | *Giá trị SX CN* | 106đ | 10.800 | 10.800( = 100%) |  |
| *+* | *Giá trị KD vật tư thiết bị* | 106đ | 520.456 | 455.456( = 88%) | 65.000( = 12 %) |
| 2 | Doanh thu | 106đ | **620.523** |  |  |
| 3 | Nộp NS nhà nước | 106đ | 9.379 |  |  |
| 4 | Lợi nhuận hợp nhất toàn Cty | 106đ | 13.724 |  |  |
| 5 | Lao động bình quân (người) | người | 176 |  |  |
| 6 | TN BQ (triệu đồng/người/tháng) | 103đ | 5.500 |  |  |
| 7 | Giá trị đầu tư | 106đ | **55.000** |  |  |
| 8 | Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến) | % | **5%** |  |  |

**III. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015**

 Năm 2015 Công ty sẽ tập trung quyết liệt để thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thông qua trong đó tập trung vào một số giải pháp trong từng lĩnh vực cụ thể như sau:

**1. Công tác tổ chức, quản lý điều hành SXKD và đào tạo nhân lực:**

- Bám sát kế hoạch SXKD năm 2015 đã lập trình duyệt tại ĐHCĐ thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015.

- Tiếp tục rà soát CBCNV để sắp xếp, bố trí và bổ sung cho phù hợp nhất là tại các đơn vị theo hướng: "gọn, nhẹ và chuyên sâu" nhằm nâng cao năng suất lao động, năng cao hiệu quả trong SXKD.

- Chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác quản lý về tổ chức, khuyến khích CBCNV có năng lực, kinh nghiệm phát huy tối đa trong công việc. Thường xuyên tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc của CBCNV trong tình hình khó khăn hiện nay.

- Kịp thời khen thưởng cũng như có các chế độ đãi ngộ để động viên những CBCNV. Bên cạnh đó cũng nghiêm khắc với những CBCNV còn yếu về trình độ nghiệp vụ và vi phạm nội quy, kỷ luật lao động.

- Tiến hành rà soát, cát giảm chi phí không cần thiết và cân đối lại lương khoán đối với CBCNV của khối CQ Công ty để phù hợp với năng lực cũng như kết quả SXKD thực tế.

- Thực hiện chế độ đơi với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

- Xây dựng và ban hành mới qui chế phân cấp quản lý các mặt hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

**2. Công tác kinh tế và tài chính:**

- Kịp thời điều chỉnh giao kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế về tiến độ của các dự án cũng như khả năng của các đơn vị.

- Kịp thời chấn chỉnh những tồn tại của năm 2014 trong công tác kinh tế tài chính.

- Xây dựng và giao kế hoạch SXKD tháng, quý, năm tiếp theo kế hoạch tài chính, vốn lưu động, kế hoạch thu vốn và đặc biệt là kế hoạch chi phí và lợi nhuận cho các đơn vị trực thuộc. Hàng tháng kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch SXKD tìm nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục kịp thời. Duy trì công tác kiểm tra về kinh tế, tài chính hàng quý đối với toàn Công ty một cách hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng công tác ký kết hợp đồng kinh tế từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc để đảm bảo tối đa lợi ích của Công ty, đúng qui định của Pháp luật. Thực hiện tốt công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị và đấu thầu xây lắp.

- Tập trung thanh toán khối lượng thi công xây lắp hoàn thành tại các công trình trọng điểm như: thủy điện Sơn La, Lai Châu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Tập trung thu hồi công nợ nhất là công nợ tồn đọng đã lâu.

- Chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Hạch toán kịp thời chính xác làm cơ sở kiểm tra, quản lý các chi phí theo kế hoạch giá thành và làm rõ nguyên nhân lỗ lãi để có biện pháp khắc phục.

- Tăng cường công tác kiểm soát tài chính chặt chẽ hơn đặc biệt là quản lý chi phí. Kịp thời nhắc nhở, cảnh cáo hoặc kỷ luật các trường hợp vi phạm.

**3. Công tác quản lý kỹ thuật, cơ giới và ATLĐ:**

- Tập trung các nguồn lực để tìm kiếm tiếp thị thi công xây lắp tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình, Nhà máy thủy điện Lai Châu, Nhà máy lọc hóa Dầu Nghi Sơn và Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Tập trung chỉ đạo điều hành quản lý tại các công trình, thực hiện các giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để đảm bảo chất lượng, tiến độ các dự án theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Giám sát khối lượng thi công hoàn thành của các đơn vị để kịp thời chỉ đạo nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu khối lượng kịp thời đối với các công trình xây lắp.

- Ban hành các quy định, quy phạm ATBHLĐ cho từng loại phương tiện, thiết bị. Thực hiện đầy đủ việc mua các loại bảo hiểm cho các phương tiện thiết bị.

- Đôn đốc các đơn vị tự kiểm tra, tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ- PCCN, thực hiện các báo cáo theo định kỳ chính xác và kịp thời, bổ sung đầy đủ các bản cam kết kỷ luật AT-VSLĐ- PCCN.

- Quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động của xe máy thiết bị đảm bảo thực hiện theo đúng các PAKD Công ty đã phê duyệt. Kịp thời điều động xe máy thiết bị để nâng cao hiệu suất sử dụng phương tiện, thiết bị.

- Cân đối và nâng cao hiệu quả của các phương tiện, linh động trong việc điều chuyển thiết bị giữa các đơn vị trong công ty.

**4. Công tác đầu t­ư:**

4.1. Đối với dự án Khu dân cư Vĩnh Thanh:

 Triển khai hoàn thành việc hợp tác với các đơn vị góp vốn cổ phần, Cổ phần hóa Chi nhánh Miền Nam trong quí I/2015 để triển khai thực hiện tiếp dự án hoặc tìm đối tác chuyển nhượng dự án để thu hồi chi phí đã đầu tư.

4.2. Dự án 157ha:

- Tiếp tục cho thuê mặt bằng sạch còn lại đã hoàn thành của giai đoạn 1.

- Thực hiện hoàn thành công tác đền bù san lấp mặt bằng 25,8 ha thuộc khu 67ha trong quí II năm 2015 để cho JGCS là nhà thầu thi công tại dự án Nhà máy lọc hóa Dầu Nghi Sơn thuê trong quí II/2015.

4.3. Dự án Mỏ đá Núi Hang Làng:

- Tập trung khai thác, sản xuất đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra.

- Tìm kiếm tiếp thị bán đá phục vụ thi công dự án Nhà máy lọc hóa Dầu Nghi Sơn cũng như tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**5. Công tác tiếp thị đấu thầu:**

- Đẩy mạnh hơn công tác tham mưu giúp việc cho lãnh đạo và tìm kiếm thị trường tiếp thị đấu thầu cung cấp vật tư, thiết bị, vận tải và xây lắp để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015.

- Tiếp tục cùng với Tổng công ty Anh Phát bám sát tiếp thị công tác thi công xây lắp, cung cấp vật tư, cho thuê mặt bằng tại Dự án Nhà máy lọc hóa Dầu Nghi Sơn.

- Xây dựng và ban hành qui chế khen thưởng khuyến khích CBCNV tích cực phấn đấu trong công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm cũng như bán hàng.

**6. Công tác chế độ chính sách và an sinh xã hội**

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động; Đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho CBCNV.

- Không ngừng cải thiện điều kiện sống, điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV đặc biệt đối với những cán bộ công nhân viên làm việc trên các công trường.

- Kết hợp các tổ chức đoàn thể tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất; nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức tổ chức kỷ luật, tư duy và tác phong làm việc,... của người lao động nhằm tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

**A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, KINH TẾ CHỦ YẾU NĂM 2014:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kế hoạch năm 2014** | **Thực hiện năm 2014** | **Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch** |
| **I** | **Tổng giá trị SXKD** | **106đ** | **810.000** | **583.108** | **72** |
| a | Giá trị SXKD Công ty mẹ | 106đ | 758.669 | 567.330 | 75 |
| b | Giá trị SXKD Công ty K/sản | 106đ | 51.331 | 15.778 | 31 |
|  | ***Trong đó hợp nhất toàn Công ty:*** |  |  |  |  |
| 1 | KD Xây lắp | 106đ | 278.743 | 118.326 | 42 |
| 2 | Sản xuất công nghiệp | 106đ | 10.800 | 5.144 | 48 |
| 3 | KD vật tư và thiết bị | 106đ | 520.456 | 459.639 | 88 |
| **II** | **Lao động và tiền lương** |  |  |  |  |
| 1 | Tổng số CBCNV cuối kỳ | Người | 176 | 142 | 81 |
| 2 | Thu nhập BQ của CBCNV | 103đ | 5.500 | 6.150 | 112 |
| **III** | **Doanh Thu** | **106đ** | **620.523** | **560.835** | **93** |
| **IV** | **Nộp NSNN** | **106đ** | **9.379** | **12.472** | **133** |
| **V** | **Lợi nhuận** | **106đ** |  |  |  |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế (của Công ty mẹ) | 106đ | 10.740 | 10.900 | 101 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất toàn Công ty) | 106đ | 13.724 | 9.927 | 72 |
| 3 | Lợi nhuận HN/Doanh thu | % | 2,21 | 1,77 | 80 |
| 4 | Lợi nhuận HN /Vốn CSH | % | 12,35 | 8,93 | 72 |
| **VI** | **Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)** | **%** | **5** | **5** | **100** |
| **VII** | **Giá trị đầu tư** | **106đ** | **55.000** | **55.028** | **100** |

**B. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2014:**

* Để có những quyết định kịp thời phục vụ hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 05 phiên họp mở rộng chính thức để trực tiếp nghe ý kiến đóng góp và đề xuất của các cá nhân và các đơn vị trong Công ty để từ đó có những cơ sở chính xác để ra quyết định tốtư nhất cho Công ty.
* Để Ban Tổng Giám đốc có những cơ sở điều hành các mặt hoạt động SXKD trong năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành tổng cộng 21 Nghị quyết và 36 Quyết định có liên quan.

**C. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH THEO CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT:**

**1. Công tác tổ chức hoạt động, phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT:**

Thực hiện triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2014, theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Ngay sau Đại hội, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp thường kỳ để xem xét, thảo luận và thống nhất đưa ra các quyết định chỉ đạo các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014, cụ thể như sau:

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng quản trị để đôn đốc theo dõi chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty;

- Hội đồng quản trị tổ chức ký hợp đồng thuê TGĐ điều hành công ty năm 2014 và thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội cổ đông đã thông qua.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định thuộc phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị để giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty;

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá các kết quả hoạt động SXKD của Công ty, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành SXKD của Tổng Giám đốc Công ty nhằm đạt kết quả cao. Đồng thời điều chỉnh kịp thời các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch trong năm 2014 nhằm phù hợp với tiến độ, nhiệm vụ được giao;

* Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên trong Hội đồng quản trị;
* HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Ban Tổng Giám đốc từ đó có sự điều chỉnh và chỉ đạo kịp thời;
* Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, ý kiến của các thành viên trong Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đều được thực hiện theo đúng quy định, trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết để làm cơ sở triển khai thực hiện.

**2. Công tác tổ chức quản lý kinh tế theo chức năng của Hội đồng quản trị:**

**2.1 - Công tác tổ chức:**

* Năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý của Công ty nhằm phục vụ tốt nhất trong việc điều hành và thực hiện SXKD;
* Sắp xếp và luân chuyển một số các các chức danh như: Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng, phó các phòng ban của các đơn vị; Trưởng, phó các phòng ban Công ty;
* Thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nghiêm túc các Quy chế, Quy định của Công ty.

**2.2 - Công tác quản lý chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh:**

* Chỉ đạo các phòng ban và các đơn vị thực hiện SXKD theo đúng qui trình, quy phạm nhằm đáp ứng các yêu cầu chất lượng của sản phẩm;
* Chỉ đạo ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014 tại các dự án và các công trường về cơ bản đã đáp ứng được yêu của Chủ đầu tư.
* Do năm 2014 là một năm nền kinh tế của nước ta tiếp tục rơi vào tình trạng khủng hoảng và tỷ lệ lạm phát cao, do đó việc có hay không sử dụng đồng vốn vào công tác đầu tư của Công ty đã được thực hiện một cách phù hợp và linh hoạt nhằm bảo toàn nguồn vốn của Cổ đông và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2014 thông qua;
* Tiếp tục thực hiện tốt các hình thức để không ngừng củng cố, phát huy quảng bá thương hiệu PVSD trên thị trường. Tập trung khai thác các thị trường: Tập đoàn điện lực (EVN), tập đoàn dầu khí (PVN), TCT Sông Đà, ...

**3. Công tác phối hợp với tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể:**

* Thường xuyên duy trì và phối hợp tốt trong quá trình triển khai các công việc giữa Hội đồng quản trị với BCH Đảng bộ, BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban Nữ công để thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước để cùng xây dựng Công ty ổn định bền vững và phát triển. Tổ chức các hoạt động tham quan, du lịch để khuyến khích, động viên kịp thời không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đời sống tinh thần đối với CBCNV trong toàn Công ty.
* Chỉ đạo chính quyền tạo điều kiện và ủng hộ kinh phí cho các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy chế đã ban hành và đưa các mặt hoạt động của Công ty đạt nhiều thành tích.

**D. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2015:**

1. Tổ chức tổng kết để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động SXKD và các chương trình công tác khác của Công ty năm 2014.
2. Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên của Công ty năm 2015 vào đầu tháng 4 năm 2015 ngay sau khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật.
3. Xây dựng chương trình công tác của Hội đồng quản trị năm 2015, tiếp tục định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2015 -:- 2020.
4. Tập trung chỉ đạo ban điều hành Công ty xây dựng kế hoạch SXKD của Công ty năm 2015 sao cho thật sát với thực tế để trình Đại hội cổ đông thường niên Công ty thông qua, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kế hoạch năm 2015** | **Tốc độ tăng trưởng so với TH năm 2014** |
| **I** | **Tổng giá trị SXKD** | **106đ** | **936.000** | **161** |
| a | Giá trị SXKD Công ty mẹ | 106đ | 906.190 | 160 |
| b | Giá trị SXKD Công ty K/sản | 106đ | 29.810 | 189 |
|  | ***Trong đó hợp nhất toàn Công ty:*** |  |  |  |
| 1 | KD Xây lắp | 106đ | 400.810 | 339 |
| 2 | Sản xuất công nghiệp | 106đ | 20.128 | 391 |
| 3 | KD vật tư và thiết bị | 106đ | 515.062 | 112 |
| **II** | **Lao động và tiền lương** |  |  |  |
| 1 | Tổng số CBCNV | Người | 155 | 136 |
| 2 | Thu nhập BQ của CB | 103đ | 6.000 | 135 |
| **III** | **Doanh Thu** | **106đ** | **758.916** | **136** |
| **IV** | **Nộp NSNN** | **106đ** | **13.063** | **105** |
| **V** | **Lợi nhuận** | **106đ** |  |  |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế (của Công ty mẹ) | 106đ | 15.000 | 138 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất toàn Công ty) | 106đ | 15.397 | 155 |
| 3 | Lợi nhuận/Doanh thu | % | 2,03 | 115 |
| 4 | Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu | % | 13,85 | 155 |
| **VI** | **Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)** | **%** | 6 | 120 |
| **VII** | **Giá trị đầu tư** | **106đ** | **55.000** |  |

1. Trong tháng 4/2015, triển khai ký hợp đồng giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc điều hành Công ty và giữa Tổng Giám đốc Công ty với Giám đốc các đơn vị (Đội trưởng các đội trực thuộc) cho hoạt động SXKD năm 2015 trên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp, định biên và ổn định bộ máy tổ chức quản lý điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc.
3. Phối hợp với Ban kiểm soát định kỳ tiến hành kiểm tra, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty trong quá trình triển khai thực hiện SXKD. Nghiêm túc thực hiện điều lệ, quy chế, quy định và Nghị quyết Đại hội cổ đông. Kịp thời có biện pháp giải quyết những vướng mắc tồn tại, chỉ đạo khắc phục những khó khăn để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2015. Trong quá trình thực hiện thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát, bổ xung và sửa đổi các quy chế và quy định của Công ty sao cho phù hợp với pháp luật của nhà nước và các quy định, quy chế hiện hành của các Bộ, Ngành, phù hợp với mô hình hoạt động SXKD của Công ty.
4. Công tác đầu tư: Tập trung nghiên cứu đầu tư phát triển thị trường sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm tới tại Nghi Sơn – Thanh Hoá.

Xin ý kiến Đại hội cổ đông cho đầu tư trụ sở mới tại tòa nhà LICOGI 13Rà soát lại các khoản công ty đầu tư tài chính.

1. Tiếp tục xây dựng và thực hiện thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp PVSD trong mọi lĩnh vực hoạt động để làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.
2. Triển khai, tổ chức họp HĐQT theo định kỳ và bất thường khi thấy cần thiết để chỉ đạo kịp thời hoạt động SXKD của Công ty.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị :**

**- Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị :**

1. Ông: **Đinh Mạnh Thắng** - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông: **Hoàng Văn Toản** - Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty;
3. Ông: **Nguyễn Duyên Hải** - Ủy viên HĐQT;
4. Bà: **Phùng Minh Bằng** - Ủy viên HĐQT;
5. Ông: **Đinh Mạnh Hưng** - Ủy viên HĐQT.

- Số lượng chứng khoán :

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Số lượng sở hữu đầu năm** | **Số lượng mua trong năm** | **Số lượng bán trong năm** | **Số dư cuối năm** | **Tỷ lệ sở hữu** |
| 1 | Đinh Mạnh Thắng | 546.000 |  |   | 546.000 | 4,91% |
| 2 | Hoàng Văn Toản | 104.035 |   |  79.300 | 24.735 | 0,22% |
| 3 | Phùng Minh Bằng | 11.000 |   |   | 11.000 | 0,10% |
| 4 | Đinh Mạnh Hưng | 46.000 |   |   | 46.000 | 0,41% |
| 5 | Nguyễn Duyên Hải |  |   |   |  |  |
|   |   |   |   |   |   |   |

**- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có**

**- Hoạt động của HĐQT**

- Cuối mỗi quý Hội đồng quản trị đã tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đồng thời đề ra kế hoạch, giải pháp để thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và nhiệm vụ cụ thể của quý sau;

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014; chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

- Theo từng kỳ báo cáo 6 tháng , một năm Hội đồng quản trị triệu tập họp, mở rộng tới các cán bộ quản lý và điều hành Công ty để quyết nghị các biện pháp phấn đấu hoàn thành kế hoạch và chấn chỉnh các mặt hoạt động:

+ Chấn chỉnh công tác thu vốn và chất lượng công tác thi công;

+ Các mặt công tác quản lý, các giải pháp kinh tế trong tình trạng lạm phát và giá cả các loại vật tư chính tăng đột biến, chính sách thắt chặt cho vay của các tổ chức tài chính: chỉ đạo rà soát định mức giao khoán nội bộ, tăng cường các biện pháp thu vốn; đặc biệt chú trọng tới các công trình trọng điểm như Sơn La, Nậm Chiến, Huội Quảng, Lai Châu, Hủa Na.....

+ Rà soát các dự án đầu tư và chỉ đạo đầu tư vào các công ty có tiềm năng.

Từ biện pháp tích cực hiệu quả và chỉ đạo kiên quyết, trọng tâm, kịp thời của HĐQT đã góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi Quyết nghị Đại hội đồng cổ đông.

**-. Hội đồng quản trị**: 5/5 đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

**2. Ban kiểm soát :**

**- Thành viên và cơ cấu:**

* Bà Bùi Thị Minh Phương - Trưởng ban
* Ông Vũ Tuấn Nam - Thành viên
* Ông Trần Anh Đức - Thành viên

**- Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát gồm những thành viên hoạt động kiêm nhiệm, công tác phân tán nhưng đã thường xuyên trao đổi thông tin với nhau về các hoạt động của đơn vị và về từng lĩnh vực được phân công.

- Thường xuyên yêu cầu Công ty cung cấp thông tin, tài liệu để kiểm soát tính hợp pháp và quá trình triển khai.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị; về kế hoạch SXKD năm 2014;

- Kiểm soát thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2014.

- Kiểm soát tình hình ban hành các văn bản quản lý nội bộ; Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, các quy chế, quy định của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty;

- Xem xét Báo cáo tài chính các quý và năm 2014 do ông Tổng Giám đốc và Phòng Tài chính kế toán lập; Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập Công ty;

- Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2014;

- Một số nội dung khác.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký.**

**a, Thù lao**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Mức thù lao được hưởng theo tỷ lệ HTKH** | **Mức thù lao đã chi trả** | **Chênh lệch mức thù lao còn được hưởng** |
| 1 | Đinh Mạnh Thắng | CT HĐQT | 360.000.000 | 324.000.000 | 36.000.000 |
| 2 | Hoàng Văn Toản | UV HĐQT | 36.000.000 | 32.400.000 | 3.600.000 |
| 3 | Đinh Mạnh Hưng | UV HĐQT | 36.000.000 | 32.400.000 | 3.600.000 |
| 4 | Phùng Minh Bằng | UV HĐQT | 36.000.000 | 32.400.000 | 3.600.000 |
| 5 | Nguyễn Duyên Hải | UV HĐQT | 27.000.000 | 24.300.000 | 2.700.000 |
| 6 | Trần Anh Đức | TB BKS | 135.000.000 | 121.500.000 | 13.500.000 |
| 7 | Bùi Minh Phương | TV BK | 18.000.000 | 16.200.000 | 1.800.000 |
| 8 | Vũ Tuấn Nam | TV BKS | 18.000.000 | 16.200.000 | 1.800.000 |
| 9 | Quách Bá Vương | Thư ký Cty | 10.000.000 | 9.000.000 | 1.000.000 |
| 10 | Mai Thanh Liêm | Thư ký Cty | 2.000.000 | 1.800.000 | 200.000 |
| **Tổng cộng** |  | **678.000.000** | **610.200.000** | **67.800.000** |

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

- Ông Hoàng Văn Toản – Tổng giám đốc Công ty bán 79.300 CP từ 05/11/2014 đến 03/12/2014.

- Ông Lưu Văn Hải – Phó Tổng Giám Đốc Công ty bán 31.100 CP từ 17/11/2014 đến 16/12/2014.

- Ông Nguyễn Nam Hồng – Phó Tổng Giám Đốc Công ty bán 15.000 CP từ 07/11/2014 đến 05/12/2014.

**c. Hợp đồng giao hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ** : **Trong năm không có giao dịch**

**d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :**

Trong năm 2014, Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Sông Đà đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên, hàng năm đến các nhà đầu tư.

**VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. **Ý kiến kiểm toán :**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã:

+ Phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;

+ Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan.

1. **Báo cáo tài chính được kiểm toán**

*(Địa chỉ website công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất: www.pvsd.vn)*

**T/M CTY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI**

 **DẦU KHÍ SÔNG ĐÀ**

**Nơi nhận:**

*- Sở GDCK Hà Nội;*

*- UBCKNN;*

*- TT lưu ký CK;*

*- Lưu TCKT.*

